Phụ lục 3: Sinh phẩm, hóa chất vật tư giám sát chủ động, nghiên cứu phát hiện các dịch, bệnh truyền nhiễm (gồm 6 phần)

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
	Phần 1. Nhóm sinh phẩm thực hiện kỹ thuật miễn dịch học: gồm 17 danh mục												
1	Kit test nhanh phát hiện NS1, IgM và IgG cho Dengue	1. Mục đích: Chẩn đoán nhiễm Vi rút Dengue ở giai đoạn sớm 2. Thành phần: -Que test -Dung môi -Ống nhỏ giọt - Độ nhạy : ≥92% (Dengue NS1 Ag), ≥94% (Dengue IgG/IgM). - Độ đặc hiệu : ≥98%(Dengue NS1 Ag), ≥96% (Dengue IgG/IgM). Có chứng nhận IVD 3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 10 phản ứng	3									
2	Kit ELISA phát hiện kháng thể IgM kháng vi rút Sởi	1. Mục đích sử dụng: phát hiện IgM đặc hiệu kháng vi rút sởi 2. Thành phần: - MTP: Các thanh xét nghiệm có thể bẻ rời, mỗi thanh có 8 giếng phủ kháng nguyên. Nguyên liệu phủ đã bị bất hoạt. - STD: Huyết Thanh Chuẩn (sẵn sàng để sử dụng) - NEG: Huyết thanh Chứng âm (sẵn sàng để sử dụng). - APC: Liên hợp kháng IgM người (sẵn sàng để sử dụng). - WASH: Dung dịch rửa đậm đặc (đủ 1000	Hộp 96 phản ứng	5									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
		ml). - DILB: Đệm Pha loãng (sẵn sàng để sử dụng) - STOP; Dung dịch dừng phản ứng (sẵn sàng để sử dụng). - pNPP: Cơ chất (sẵn sàng để sử dụng). - RF Absorbent: Hợp chất hạn chế dương giả (loại bỏ yếu tố dạng thấp ở bệnh nhân thấp khớp) - INFO: Giấy chứng nhận quản lý chất lượng với đường chuẩn và bảng đánh giá. - Độ nhạy: 98.9%; độ đặc hiệu >99% 3. Điều kiện bảo quản: 2 - 8°C 4. Hạn sử dụng : ≥ 6 tháng											
3	Kit ELISA phát hiện kháng thể IgM kháng vi rút viêm gan A	1. Mục đích: Phát hiện sự có mặt của IgM HAV trong bệnh phẩm. 2. Mô tả: - Xác định được lớp kháng thể IgM kháng HAV trong huyết thanh và huyết tương người theo cơ chế tóm bắt. Có chứng nhận IVD - Được sử dụng để xác định tác nhân vi rút gây viêm gan ở bệnh nhân và theo dõi giai đoạn nhiễm cấp tính. 3. Nhiệt độ bảo quản: 2-8 độ C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng.	Hộp 96 phản ứng	1									
4	Kit ELISA phát	1.Mục đích: Phát hiện sự có mặt của IgM HEV trong bệnh phẩm. 2. Mô tả: - Xác định được lớp kháng thể IgM kháng	Hộp 96 phản ứng	1									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
	hiện kháng thể IgM kháng vi rút viêm gan E	HAV trong huyết thanh và huyết tương người theo cơ chế tóm bắt. - Được sử dụng để xác định tác nhân vi rút gây viêm gan ở bệnh nhân và theo dõi giai đoạn nhiễm cấp tính. - Có chứng nhận IVD 3. Nhiệt độ bảo quản: 2-8 độC 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng.											
5	Kit ELISA phát hiện kháng thể IgG kháng vi rút Sởi	1. Mục đích sử dụng: phát hiện kháng thể IgG đặc hiệu kháng vi rút sởi 2. Thành phần: - MTP: Các thanh xét nghiệm có thể bẻ rời, mỗi thanh có 8 giếng phủ kháng nguyên. Nguyên liệu phủ đã bị bất hoạt. - STD: Huyết Thanh Chuẩn (sẵn sàng để sử dụng) - NEG: Huyết thanh Chứng âm (sẵn sàng để sử dụng). - APC: Liên hợp kháng IgG người (sẵn sàng để sử dụng). - WASH: Dung dịch rửa đậm đặc (đủ 1000 ml). - DILB: Đệm Pha loãng (sẵn sàng để sử dụng) - STOP; Dung dịch dừng phản ứng (sẵn sàng để sử dụng). - pNPP: Cơ chất (sẵn sàng để sử dụng). - INFO: Giấy chứng nhận quản lý chất lượng với đường chuẩn và bảng đánh giá. - Độ nhạy: >99%; độ đặc hiệu: 95%	Hộp 96 phản ứng	1									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
		3. Điều kiện bảo quản: 2 - 8°C 4. Hạn sử dụng : ≥ 6 tháng											
6	Kít ELISA phát hiện kháng thể IgG kháng vi khuẩn bạch hầu	1. Mục đích: Phát hiện kháng thể IgG kháng *C.diphtheriae* 2. Thành phần: thanh xét nghiệm, dung dịch pha loãng, dung dịch cộng hợp, dung dịch rửa, chứng dương , chứng âm, dung dịch dừng phản ứng - Chứng nhận IVD 3. Điều kiện bảo quản: 4-8°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 96 phản ứng	1									
7	Kít ELISA phát hiện kháng thể IgG kháng vi khuẩn ho gà	1. Mục đích: Phát hiện kháng thể IgG kháng *Bordetella pertussis* 2. Mô tả: thành phần: thanh xét nghiệm, dung dịch pha loãng, dung dịch cộng hợp, dung dịch rửa, chứng dương, chứng âm, dung dịch dừng phản ứng - Chứng nhận IVD 3. Điều kiện bảo quản: 4-8°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 96 phản ứng	2									
8	Kit ELISA phát hiện kháng thể IgG kháng vi	1. Mục đích sử dụng: Phát hiện kháng thể IgG kháng vi rút rubella. 2. Thành phần: - MTP: Các thanh xét nghiệm có thể bẻ rời, mỗi thanh có 8 giếng phủ kháng nguyên. Nguyên liệu phủ đã bị bất hoạt. - STD: Huyết Thanh Chuẩn (sẵn sàng để sử dụng)	Hộp 96 phản ứng	1									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
	rút Rubella	- NEG: Huyết thanh Chứng âm (sẵn sàng để sử dụng). - APC: Liên hợp kháng IgG người (sẵn sàng để sử dụng). - WASH: Dung dịch rửa đậm đặc (đủ 1000 ml). - DILB: Đệm Pha loãng (sẵn sàng để sử dụng) - STOP; Dung dịch dừng phản ứng (sẵn sàng để sử dụng). - pNPP: Cơ chất (sẵn sàng để sử dụng). - INFO: Giấy chứng nhận quản lý chất lượng với đường chuẩn và bảng đánh giá. - Độ nhạy: 99.7%; độ đặc hiệu >99% 3. Điều kiện bảo quản: 2 - 8°C 4. Hạn sử dụng : ≥ 6 tháng											
9	Kit ELISA phát hiện kháng thể IgM kháng vi rút Dengue	1. Mục đích: Phát hiện kháng thể IgM kháng vi rút Dengue để chẩn đoán xác định ca bệnh 2. Thành phần: - Dung dịch pha loãng - Kháng nguyên - Chứng - Dung dịch rửa - Cộng hợp - Cơ chất TMB - Dung dịch dừng phản ứng. Độ nhạy ≥98%, Độ đặc hiệu≥99%. 3.Điều kiện bảo quản: 2-8°C 4. Hạn sử dụng ≥ 06 tháng	Hộp 96 phản ứng	3									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
10	Kit ELISA phát hiện kháng thể IgM kháng vi rút Rubella	1. Mục đích sử dụng: Phát hiện kháng thể IgM đặc hiệu kháng vi rút rubella 2. Thành phần: - MTP: Các thanh xét nghiệm có thể bẻ rời, mỗi thanh có 8 giếng phủ kháng nguyên. Nguyên liệu phủ đã bị bất hoạt. - STD: Huyết Thanh Chuẩn (sẵn sàng để sử dụng) - NEG: Huyết thanh Chứng âm (sẵn sàng để sử dụng). - APC: Liên hợp kháng IgM người (sẵn sàng để sử dụng). - WASH: Dung dịch rửa đậm đặc (đủ 1000 ml). - DILB: Đệm Pha loãng (sẵn sàng để sử dụng) - STOP; Dung dịch dừng phản ứng (sẵn sàng để sử dụng). - pNPP: Cơ chất (sẵn sàng để sử dụng). - RF Absorbent: Hợp chất hạn chế dương giả (loại bỏ yếu tố dạng thấp ở bệnh nhân thấp khớp) - INFO: Giấy chứng nhận quản lý chất lượng với đường chuẩn và bảng đánh giá. - Độ nhạy: >99%; độ đặc hiệu: 96,8% 3. Điều kiện bảo quản: 2 - 8°C 4. Hạn sử dụng : ≥ 6 tháng	Hộp 96 phản ứng	4									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
11	Kit ELISA phát hiện kháng thể IgM Rubella	1. Mục đích sử dụng: Phát hiện kháng thể IgM đặc hiệu kháng vi rút rubella 2. Thành phần: - MTP: Các thanh xét nghiệm có thể bẻ rời, mỗi thanh có 8 giếng phủ kháng nguyên. Nguyên liệu phủ đã bị bất hoạt. - STD: Huyết Thanh Chuẩn (sẵn sàng để sử dụng) - NEG: Huyết thanh Chứng âm (sẵn sàng để sử dụng). - APC: Liên hợp kháng IgM người (sẵn sàng để sử dụng). - WASH: Dung dịch rửa đậm đặc (đủ 1000 ml). - DILB: Đệm Pha loãng (sẵn sàng để sử dụng) - STOP; Dung dịch dừng phản ứng (sẵn sàng để sử dụng). - pNPP: Cơ chất (sẵn sàng để sử dụng). - RF Absorbent: Hợp chất hạn chế dương giả (loại bỏ yếu tố dạng thấp ở bệnh nhân thấp khớp) - INFO: Giấy chứng nhận quản lý chất lượng với đường chuẩn và bảng đánh giá. - Độ nhạy: >99%; độ đặc hiệu: 96,8% 3. Điều kiện bảo quản: 2 - 8°C 4. Hạn sử dụng : ≥ 6 tháng	Hộp 96 phản ứng										

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
12	Cộng hợp kháng thể kháng vi rút dại gắn FITC	1. Mục đích sử dụng: sử dung trong các xét nghiệm MD huỳnh quang có thể phát hiện tất cả các chủng vi rút dại đã biết và các *Lyssaviruses* Duvenhage, Lagos Bat, and Mokola. 2. Thành phần: Anti-Rabies Monoclonal Globulin gắn FITC 1ọ x 5.0 mL , dạng đông khô 3. Điều kiện bảo quản: 2°C - 8°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Lọ 5ml	1									
13	Kháng thể đơn dòng chuột HPV18 L1	1.Mục đích: Sử dụng làm kháng thể cho phản ứng ELISA HPV 2.Mô tả: dạng lỏng, nồng độ 0.5mg/ml, cỡ 20µg x 6 kháng thể đơn dòng IgG HPV18 3.Điều kiện bảo quản: -20oC 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	20µg x 6	1									
14	Kháng thể kháng HPV52 L1	1.Mục đích: Sử dụng làm kháng thể cho phản ứng ELISA HPV 2.Mô tả: dạng lỏng, nồng độ 0.5mg/ml, cỡ 20µg x 6 kháng thể đơn dòng IgG HPV52 3. Điều kiện bảo quản: -20oC 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	20µg x 6	1									
15	Protein tái tổ hợp HPV16 L1	1.Mục đích: Sử dụng làm kháng nguyên cho phản ứng ELISA HPV 2.Mô tả: 100µg, protein tái tổ hợp vùng L1 của HPV 16, bao gồm 505 axit amin, khối lượng 56kDa, độ tinh khiết ≥90% kiểm tra bằng SDS-PAGE, nồng độ endotoxin <0.01 EU/µg	lọ 100µg	1									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
		3.Điều kiện bảo quản: -20oC đến -70oC 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng											
16	Protein tái tổ hợp HPV18 L1	1.Mục đích: Sử dụng làm kháng nguyên cho phản ứng ELISA HPV 2.Mô tả: 100µg, protein tái tổ hợp vùng L1 của HPV 18, bao gồm 507 axit amin, khối lượng 56kDa, độ tinh khiết ≥90% kiểm tra bằng SDS-PAGE, nồng độ endotoxin <0.01 EU/µg 3.Điều kiện bảo quản: -20oC đến -70oC 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	lọ 100µg	1									
17	Protein tái tổ hợp HPV52 L1	1.Mục đích: Sử dụng làm kháng nguyên cho phản ứng ELISA HPV 2.Mô tả: 100µg, protein tái tổ hợp vùng L1 của HPV 52, bao gồm 503 axit amin, khối lượng 56kDa, độ tinh khiết ≥90% kiểm tra bằng SDS-PAGE, nồng độ endotoxin <0.01 EU/µg 3.Điều kiện bảo quản: -20oC đến -70oC 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	lọ 100µg	1									
	Phần 2. Sinh phẩm, hoá chất thực hiện kỹ thuật sinh học phân tử: gồm 34 danh mục												
1	Kit chạy realtime RT-PCR 1 bước 100	1. Mục đích: Bộ sinh phẩm thực hiện phản ứng Realtime RT PCR 2. Thành phần - 200 µl SuperScript III/Platinum Taq Mix - 3 ml 2X Reaction Mix - 0.5ml Magnesium Sulfate (50 mM)	Hộp 100 phản ứng	1									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
	phản ứng	- 500 µl ROX Reference Dye (25 µM) 3. Điều kiện bảo quản: -20°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng											
2	Kit chạy RT-PCR một bước 100 phản ứng	1. Mục đích sử dụng: Sinh phẩm thực hiện phản ứng RT-PCR một bước, sử dụng bất kỳ khuôn ARN nào, nồng độ từ 1 pg đến 2 µg. 2. Mô tả: Kit RT-PCR 1 bước - QIAGEN OneStep RT-PCR Enzyme Mix (1 x 200 µl) - 5x QIAGEN OneStep RT-PCR Buffer (1 x 1 ml) - dNTP Mix (1 x 200 µl, 10 mM each) - 5x Q-Solution (1 x 2 ml) - RNase-Free Water (2 x 1.9 ml) 3. Bảo quản: -20 độ C. 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 100 phản ứng	1									
3	Kit realtime RT-PCR 100 phản ứng	1. Mục đích sử dụng: sử dụng trong quy trình realtime RT-PCR phát hiện ARN của vi rút sởi/rubella. 2. Thành phần: - SuperScript™ III RT/ Platinum™ Taq High Fidelity Enzyme Mix - 2X Reaction Mix (a buffer containing 0.4 mM of each dNTP and 6 mM MgSO4). - 50 mM Magnesium Sulfate (MgSO4) - ROX™ Reference Dye (25 µM) 3. Điều kiện bảo quản: - 20°C 4. Hạn sử dụng : ≥ 6tháng	Hộp 100 phản ứng	1									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
4	Kit chạy Realtime RT-PCR 1 bước 500 phản ứng	1. Mục đích: Bộ sinh phẩm thực hiện phản ứng Realtime RT PCR 2. Mô tả: - Hỗn hợp enzyme SuperScript™ III/Platinum™ Taq: 500 µl - Hỗn hợp phản ứng 2X: 12.5 ml - 50 mM Magnesium Sulfate: 2 x 1 ml - 25 µM ROX Dye tham chiếu: 500 µL 3. Bảo quản: -10 đến -30°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 06 tháng.	Hộp 500 phản ứng	2									
5	Kit tách chiết RNA 250 phản ứng	1. Mục đích sử dụng: Tách chiết RNA virus từ mẫu bệnh phẩm. 2. Thành phần: - Cột lọc: 250 cột - Ống hứng dịch: 750 chiếc - Đệm ly giải Buffer AVL: 5 chai x 31ml/chai - Đệm rửa Buffer AW1: 98ml '- Đệm rửa Buffer AW2: 66ml - Đệm Buffer AVE: 10 ống x 2ml/ống - Carrier RNA: 5 ống x 310ug/ống 3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 250 phản ứng	2									
6	Kit tách chiết RNA 50 phản ứng từ mẫu dịch	1. Mục đích sử dụng: Tách chiết RNA virus từ nhiều nguồn mẫu khác nhau gồm: Huyết thanh, huyết tương, nước tiểu, dịch nổi tế bào nuôi cấy. 2. Thành phần: - Cột lọc: 50 cột - Ống hứng dịch: 150 chiếc	Hộp 50 phản ứng	1									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
		- Đệm ly giải Buffer AVL: 1chai x 31ml/chai - Đệm rửa Buffer AW1: 19ml - Đệm rửa Buffer AW2: 13ml - Đệm Buffer AVE: 3 ống x 2ml/ống 3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng											
7	Kit tách chiết RNA 50 phản ứng từ mẫu mô	1. Mục đích sử dụng: Tách triết RNA tổng số từ các mẫu mô, tế bào, nấm bằng công nghệ silica 2. Thành phần: - Cột lọc: 50 cột - Ống hứng dịch: 100 chiếc - Đệm RLT: 45ml - Đệm rửa Buffer RW1: 45ml - Đệm rửa BufferRPE: 11ml -RNAse-Free Water: 10ml 3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 50 phản ứng	1									
8	Kit tinh sạch sản phẩm PCR bằng hạt từ	1. Mục đích sử dụng: Sinh phẩm tinh sạch sản phẩm PCR, DNA, NGS... 2. Mô tả: - Dạng lỏng, hạt từ. - Sản phẩm đích: DNA - Thể tích: 1 x 60 ml. - Có khả năng hấp tiệt trùng 3. Điều kiện bảo quản: 2-8°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Lọ 60ml	1									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
9	Kit tinh sạch sản phẩm PCR gắn huỳnh quang bằng hạt từ	1. Mục đích sử dụng: Sản phẩm tinh sạch DNA khỏi các thành phần muối và chất nhuộm đầu cuối (dye terminatior) trong phản ứng giải trình tự bằng phương pháp ly trích dựa trên hạt từ. 2. Mô tả: - Thành phần bao gồm hạt từ và dung dịch đệm rửa giải (ellution buffer). - Hạt từ được xử lý carboxyl or carboxylic acid - Áp dụng: Giải trình tự DNA và phân tích đoạn. - Có chứng chỉ IVD 3. Điều kiện bảo quản: 4°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 500 phản ứng	1									
10	Kit tổng hợp sợi đơn DNA	1. Mục đích: tổng hợp cDNA từ mẫu RNA tổng số hoặc mẫu RNA có đuôi polyA đã tinh sạch. 2. Mô tả: enzyme phiên mã ngược tổng hợp cDNA từ RNA. Phù hợp với các mẫu có nồng độ GC cao. Độ dài sản phẩm khuếch đại lên tới 12.5kb. Ứng dụng trong RT-PCR. 3. Điều kiện bảo quản: -20°C. 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 200 phản ứng	2									
11	Hỗn hợp phản ứng PCR 1000	1. Mục đích sử dụng: Sử dụng trong phản ứng PCR phát hiện các gen kháng kháng sinh của vi khuẩn 2. Mô tả: Bộ kit sẵn sàng sử dụng chứa đầy đủ thành phần của phản ứng PCR, chứa hai thuốc nhuộm (màu xanh và màu vàng) cho	Hộp 1000 phản ứng	1									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
	phản ứng	phép theo dõi tiến trình trong quá trình điện di. Đóng gói 1000 phản ứng 3. Điều kiện bảo quản: -30 đến -10 độ C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng											
12	Hỗn hợp phản ứng PCR 250 phản ứng	1. Mục đích sử dụng: Sử dụng để thực hiện phản ứng PCR 2. Mô tả: Thành phần bao gồm: 3 x 1.7 ml Taq PCR Master Mix containing 250 units Taq DNA Polymerase, 3 x 1.7 ml Distilled water - Đóng gói: 250 phản ứng 3. Bảo quản: - 20 độ C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 250 phản ứng	1									
13	Hỗn hợp phản ứng Realtime PCR	1. Mục đích: kit chạy multiplex qPCR 2. Mô tả: Nồng độ 2X Thành phần: Multiplex qPCR SuperMix, 1.25 mL ROX Reference Dye 50X, 250 µL Low ROX Reference Dye 50X, 250 µL 3. Bảo quản: -20 độ 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Kit 200 x 50 µL rxns	3									
14	Sinh phẩm khuếch đại ADN	1. Mục đích: dùng để khuếch đại ADN đã tách chiết và tinh sạch. 2. Mô tả: - Hỗn hợp PCR đặc 2 lần, sẵn dùng - Chứa Platinum SuperFi II DNA Polymerase, Platinum SuperFi II Buffer. Độ tin cậy của Taq >300 lần - Nhiệt độ gắn mồi 60oC - Khuếch đại được cả những đoạn khó, >65%	Hộp 100 phản ứng	4									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
		GC, đoạn ADN đích dài, độ tinh sạch của khuôn mẫu không tối ưu. - Sản phẩm khuếch đại dùng được cho các phản ứng khác như tạo dòng, gây đột biến hoặc giải trình tự gien cho độ chính xác cao. 3. Nhiệt độ bảo quản: 2-8 độ C 4. Hạn sử dụng:≥ 6 tháng											
15	Mồi PCR xác định vi khuẩn *leptospira, C. diphtheriae, B. pertussis*	1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng PCR 2. Thành phần: - Mồi (nucleotide) - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Nồng độ 200nM, dạng đông khô. 3. Điều kiện bảo quản: 4-8 độ C 4. Hạn sử dụng: ≥6 tháng	Cặp	8									
16	Mồi PCR xác định vi rút cúm	1. Mục đích: Mồi xét nghiệm vi rút cúm bằng realtime RT-PCR 2. Mô tả: - Oligonucleotide đã tinh sạch dạng đông khô Trình tự mồi cúm A: InfA For 1: CAA GAC CAA TCY TGT CAC CTC TGA C InfA For 2: CAA GAC CAA TYC TGT CAC CTY TGA C InfA Rev1: GCA TTY TGG ACA AAV CGT CTA CG InfA Rev2: GCA TTT TGG ATA AAG CGT CTA CG	200nM/ống	3									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
		Trình tự mồi cúm B: InfB- For: TCC TCA AYT CAC TCT TCG AGC G InfB- Rev: CGG TGC TCT TGA CCA AAT TGG 3. Bảo quản: -10 đến -30°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng											
17	Đầu dò xác định vi rút cúm	1. Mục đích: Đầu dò xét nghiệm vi rút cúm bằng realtime RT-PCR 2. Mô tả: - Oligonucleotide gắn huỳnh quang đã tinh sạch dạng đông khô Trình tự đầu dò cúm A: FAM-TGC AGT CCT CGC TCA CTG GGC ACG-BHQ-1 Trình tự đầu dò cúm B: FAM-CCA ATT CGA GCA GCT GAA ACT GCG GTG-BHQ-1 3. Bảo quản: -10 đến -30°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	200nM/ống	2									
18	Mồi PCR xác định vi rút dengue	1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng realtime RT- PCR để xác định vi rút dengue 2. Thành phần: - Mồi (nucleotide) - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Nồng độ 100 nmol, dạng đông khô. - Trình tự: D1F: CAA AAG GAA GTC GYG CAA TA D1C: CTG AGT GAA TTC TCT CTG CTR AAC D2F: CAG GCT ATG GCA CYG TCA	Ống	8									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
		CGA T D2C: CCA TYT GCA GCA RCA CCA TCT C D3F: GGA CTR GAC ACA CGC ACC CA D3C: CAT GTC TCT ACC TTC TCG ACT TGY CT D4F: TTG TCC TAA TGA TGC TRG TCG D4C: TCC ACC YGA GAC TCC TTC CA 3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng											
19	Đầu dò xác định Dengue 1,2,3,4	1. Mục đích: Sử dụng phát huỳnh quang trong phản ứng realtime RT- PCR để xác định vi rút dengue 2. Thành phần: - Nucleotide gắn huỳnh quang - Nồng độ 3OD - Trình tự: Probe Denv1: FAM-CAT GTG GYT GGG AGC RCG C-BHQ1 Probe Denv2: HEX-CTC YCC RAG AAC GGG CCT CGA CTT CAA-BHQ1 Probe Denv3: TexRd-ACC TGG ATG TCG GCT GAA GGA GCT TG-BHQ2 Probe Denv4: Cy5-TYC CTA CYC CTA CGC ATC GCA TTC CG-BHQ3 3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Ống	4									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
20	Mồi xác định vi rút viêm gan A	1. Mục đích: Là trình tự nucleotide dùng để làm mồi cho khuếch đại đặc hiệu cho vi rút viêm gan A 2. Mô tả: - Đặc hiệu cho HAV: Mồi xuôi: GT1.B.S.GenoB. 5'-CCG CTT GGG GCT CTA CCG CCC G-3' GT1.B.S.GenoC. 5'-CCT GAA CAT GCA GTT AAT CAT TAC TTC AAA ACT AGG-3' Mồi ngược: GT1.B.AS.GenoB. 5'-CTC TTA TGC AAG ACC TTG GGC AGG TTC C-3' GT1.B.AS.GenoC. 5'-AGC AGG GGT CCT AGG AAT CCT GAT GTT G-3' - Nồng độ 100 pmol - Dạng đóng gói: đông khô 3. Nhiệt độ bảo quản: nhiệt độ phòng hoặc -20ºC 4. Hạn sử dụng: Không áp dụng	Ống 100pmol	4									
21	Thang chuẩn DNA 100bp loại Ống 50 µg	1. Mục đích:Thang chuẩn DNA 100bp dùng trong điện di 2. Thành phần: 13 vạch có kích thước từ 100bp đến 2000bp - 500 µL 100 bp DNA Ladde - Cung cấp với 1ml Blue/Orange 6X Loading Dye 3. Bảo quản: -20°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Ống 50 µg	1									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
22	Thang chuẩn DNA 100bp loại bộ 100 thang	1. Mục đích sử dụng: Làm thang đo nhằm xác định kích thước đoạn gen được nhân lên trong phản ứng PCR 2., Mô tả - Thang chuẩn cho điện di DNA kích thước 100 - 1000bp - Gồm 10 dải đậm trong dải kích thước từ 100 - 1000bp - Được cung cấp kèm loading dye để tải mẫu 3. Bảo quản: -20°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 06 tháng	Bộ 100 thang	2									
23	Dung dịch đệm TAE 10X	1. Mục đích sử dụng: Dung dịch đệm TAE sử dụng trong điện di gel polyacrylamide và agarose 2. Mô tả: Đệm nồng độ 10X 3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Chai 1L	1									
24	Dung dịch đệm TBE, 10X	1. Mục đích sử dụng: Dung dịch đệm TBE sử dụng trong điện di gel polyacrylamide và agarose 2. Mô tả: Đệm nồng độ 10X 3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 06 tháng	Chai 1L	2									
25	Enzyme khuếch đại DNA trong giải trình tự	1. Mục đích: sử dụng trong giải trình tự với đặc điểm không có hoạt tính 3' -> 5' exonuclease. 2. Mô tả: sản phẩm cung cấp với nồng độ enzyme 13U/ ul, enzyme bao gồm 2 tiểu phần MW và T7 gene 5 protein giúp tăng hoạt tính loại bỏ exonuclease mà không thay	Hộp 200 phản ứng	2									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
		đổi hoạt động của enzyme DNA polymerase. 3. Điều kiện bảo quản: -20°C. 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng											
26	Enzyme khuếch đại đoạn dài Accutaq LA	1. Mục đích: sử dụng cho khuếch đại đoạn dài, sản phẩm đích có chiều dài > 20kb. 2. Mô tả: enzyme có hoạt tính cao hơn 6.5 lần Taq DNA polymerase, được cung cấp cùng với dung dịch đệm 10X. Ứng dụng trong PCR với sản phẩm đích dài > 20kb, chuẩn bị thư viện cDNA, giải trình tự DNA hoặc các phân tích đột biến. 3. Điều kiện bảo quản: -20°C. 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 125 phản ứng	2									
27	Enzyme phân cắt DNA sợi đôi	1. Mục đích: khử DNA tạp nhiễm trong mẫu RNA bằng cách tách các sợi DNA không đặc hiệu, để lại đầu 5' được phosphoryl hóa. 2. Mô tả: enzyme DNase TURBO (bản chất DNase I) có nồng độ 2U/ul, cung cấp kèm theo dung dịch đệm 10X. Ứng dụng trong RT-PCR. 3. Điều kiện bảo quản: -20°C. 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	1000 U	2									
28	Enzyme Polymerase	1. Mục đích sử dụng: Sinh phẩm PCR, tạo sản phẩm đầu tù, sử dụng khuôn là DNA hoặc cDNA. 2. Mô tả: - Khuếch đại sản phẩm lên đến 30kb (với DNA người), 40kb (lambda DNA) hoặc 13,5kb (cDNA)	Hộp 1000 đơn vị	1									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
		- Có độ bền cao với những khuôn giàu GC. - Khuếch đại thư viện cho NGS mà không tạo sản phẩm nhiễu - Chứa hot-start, high-fiedlity PCR enzyme - Tube enzyme được cung cấp rời, khác tube đệm tối ưu có bổ sung mg2+ và dNTPs. - Đóng gói gồm: + PrimeSTAR GXL DNA Polymerase (Tổng 1000 U) + 5X PrimeSTAR GXL Buffer (Mg2+ plus) + dNTP Mixture 3. Điều kiện bảo quản: -20 độ C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng.											
29	Chỉ thị màu phenol	1. Mục đích: Chỉ thị màu dùng để chỉnh màu môi trường 2. Mô tả: dạng bột. Màu sắc: màu đỏ. Có kèm COA và MSDS 3. Bảo quản: 5-30 độ C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng.	Chai 100g	2									
30	Ethanol 99.9%	1. Mục đích: Cồn tuyệt đối sử dụng cho xét nghiệm 2. Thành phần - Ethanol: ≥ 99.9 % - Nước: ≤ 0.1 % 3. Điều kiện bảo quản: 2-30°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Chai	1									
31	Muối Natri chloride	1. Mục đích: Pha loãng mẫu, tách AND,làm p/ư ngưng kết, pha môi trường nuôi cấy phân lập vi khuẩn Tả 2. Mô tả: Natri clorua hay còn gọi là Sodium	Hộp 1000g	5									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
		Chloride là hợp chất hóa học với công thức hóa học NaCl. màu trắng 3. Bảo quản: 15-25˚C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng											
32	Nước tinh khiết	1. Mục đích sử dụng: Dùng để pha hóa chất trong các thí nghiệm sinh học phân tử 2. Mô tả: Nước tinh khiết không chứa DNase / RNase sử dụng trong tất cả các ứng dụng sinh học phân tử 3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Chai 500 mL	1									
33	Thuốc nhuộm điện di DNA	1. Mục đích sử dụng: Chất nhuộm gel DNA, phát hiện DNA trong gel bằng thuốc nhuộm huỳnh quang. 2. Mô tả: - Thuốc nhuộm: SYBR™ Safe - Màu xanh lá. - Đặc tính: Ít độc - Nồng độ: 10,000x trong DMSO Phân tử đích: DNA 3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng. 4. Hạn sử dụng: ≥6 tháng	Ống 400 µL	2									
34	Thuốc nhuộm gel	1. Mục đích sử dụng: Để phát hiện band của sản phẩm PCR trong khâu điện di 2. Thành phần bao gồm: SYBRE 3. Bảo quản: âm 4-8độ C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 400 µl	1									
	Phần 3. Phần 3. Sinh phẩm, hoá chất thực hiện các kỹ thuật nuôi cấy, phân lập, thử nghiệm kháng kháng sinh các tác nhân gây bệnh: gồm 75 danh mục												

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
1	Bột Lysozyme, Egg White	1. Mục đích: Làm môi trường PLET trong nuôi cấy vi khuẩn *B.anthracis* 2.Mô tả: Môi trường dạng bột, không bị vón cục 3. Bảo quản: < 0 độ C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Lọ 1g	1									
2	Bột MnCl2.4H2O	1. Mục đích: Nuôi cấy vi khuẩn *Leptospira* 2.Mô tả: gồm MnCl2.4H2O, không bị vón cục 3. Bảo quản: 2-30°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Lọ 100g	1									
3	Bột đông khô pha tiêm	1.Mục đích: Nuôi cấy tế bào 2.Mô tả: Kháng sinh kháng virus,dạng bôt đông khô, độ tinh sạch ≥99% (HPLC), AntiGanci, Ganciclovir 3.Điều kiện bảo quản:2-8°C 4.Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	100mg	1									
4	Bột kháng sinh Bedaquilin	1. Mục đích: Thử nghiệm kháng khuẩn 2. Mô tả: Hoạt lực kháng sinh ≥90%, dạng bột, kèm COA và MSDS 3. Điều kiện bảo quản: -20°C đến 4°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Lọ 100mg	1									
5	Bột kháng sinh Delamanid (PA-824)	1. Mục đích: Thử nghiệm kháng khuẩn 2. Mô tả: Hoạt lực ≥90%, dạng bột, kèm COA và MSDS 3. Điều kiện bảo quản: −20°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 Tháng	Lọ 10mg	1									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
6	Bột kháng sinh Isoniazid	1. Mục đích: Thử nghiệm kháng khuẩn 2. Mô tả: Hoạt lực kháng sinh ≥90%, dạng bột, kèm COA và MSDS 3. Điều kiện bảo quản: 4-10°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Lọ 5g	1									
7	Bột kháng sinh Linezolid	1. Mục đích: Thử nghiệm kháng khuẩn 2. Mô tả: Hoạt lực kháng sinh ≥90%, dạng bột, kèm COA và MSDS 3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Lọ 5mg	1									
8	Bột kháng sinh Moxifloxacin	1. Mục đích: Thử nghiệm kháng khuẩn 2. Mô tả: Hoạt lực kháng sinh ≥90%, dạng bột, kèm COA và MSDS 3. Điều kiện bảo quản: −20°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Lọ 250mg	1									
9	Bột kháng sinh Rifampicin	1. Mục đích: Thử nghiệm kháng khuẩn 2. Mô tả: Hoạt lực kháng sinh ≥90%, dạng bột, kèm COA và MSDS 3. Điều kiện bảo quản: −20°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Lọ 1g	1									
10	Kháng sinh tổng hợp Antibiotic-Antimycotic	1. Mục đích sử dụng: ngăn ngừa sự nhiễm khuẩn và nhiễm nấm trong các môi trường nuôi cấy TB 2. Mô tả: KS phối hợp chứa 10,000 units/mL penicillin, 10,000 µg/mL streptomycin, và 25 µg/mL of Amphotericin B . 3. Bảo quản: -5°C đến -20°C. 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Lọ 2ml	6									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
11	Khoanh giấy tẩm kháng sinh Imipenem	1. Mục đích sử dụng: dùng để xác đinh đặc tính kháng kháng sinh của vi khuẩn 2. Mô tả: Khoanh giấy tẩm kháng sinh Imipenem nồng độ 10µg dùng trong xét nghiệm kháng sinh đồ 3. Bảo quản: 4-8 độ C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 5 khay, mỗi khay 50 khoanh	1									
12	Khoanh giấy tẩm kháng sinh Meropenem	1. Mục đích sử dụng: dùng để xác đinh đặc tính kháng kháng sinh của vi khuẩn 2. Mô tả: Khoanh giấy tẩm kháng sinh Meropenem nồng độ 10µg dùng trong xét nghiệm kháng sinh đồ 3. Bảo quản: 4-8 độ C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 5 khay, mỗi khay 50 khoanh	1									
13	Khoanh giấy tẩm kháng sinh Oxacilline	1. Mục đích sử dụng: dùng để xác đinh đặc tính kháng kháng sinh của vi khuẩn 2. Mô tả: Khoanh giấy tẩm kháng sinh Oxacilline dùng trong xét nghiệm kháng sinh đồ 3. Bảo quản: 4-8 độ C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 5 khay, mỗi khay 50 khoanh	1									
14	Khoanh giấy tẩm kháng sinh Penicilline	1. Mục đích sử dụng: dùng để xác đinh đặc tính kháng kháng sinh của vi khuẩn 2. Mô tả: Khoanh giấy tẩm kháng sinh Penicilline nồng độ 10µg dùng trong xét nghiệm kháng sinh đồ 3. Bảo quản: 4-8 độ C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 5 khay, mỗi khay 50 khoanh	1									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
15	Khoanh giấy tẩm kháng sinh 10µg	1. Mục đích sử dụng: dùng để xác đinh đặc tính kháng kháng sinh của vi khuẩn 2. Mô tả: Khoanh giấy tẩm kháng sinh Streptomycin nồng độ 10µg dùng trong xét nghiệm kháng sinh đồ 3. Bảo quản: -20°C đến 8°C 4. Hạn sử dụng:≥ 6 tháng	Hộp 5 khay, mỗi khay 50 khoanh	1									
16	Khoanh giấy tẩm kháng sinh Ofloxacin 5µg	1. Mục đích sử dụng: dùng để xác đinh đặc tính kháng kháng sinh của vi khuẩn 2. Mô tả: Khoanh giấy tẩm kháng sinh Ofloxacin nồng độ 5µg dùng trong xét nghiệm kháng sinh đồ 3. Bảo quản: -20°C đến 8°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 5 khay, mỗi khay 50 khoanh	1									
17	Khoanh giấy tẩm kháng sinh Sulphamethoxazole/ trimethoprim 25µg	1, Mô tả: Khoanh kháng sinh Sulphamethoxazole/ trimethoprim nồng độ 25µg dùng trong xét nghiệm kháng sinh đồ 2, Thành phần: Khoanh giấy kháng sinh Sulphamethoxazole/ trimethoprim 3, Bảo quản: -20°C đến 8°C 4, Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 5 khay, mỗi khay 50 khoanh	1									
18	Khoanh giấy tẩm kháng sinh Vancomycin	1. Mục đích sử dụng: dùng để xác đinh đặc tính kháng kháng sinh của vi khuẩn 2. Mô tả: Khoanh giấy tẩm kháng sinh Vancomycin dùng trong xét nghiệm kháng sinh đồ	Hộp 5 khay, mỗi khay 50 khoanh	1									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
		3. Bảo quản: 4-8 độ C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng											
19	Khoanh giấy tẩm kháng sinh Cefepime 30µg	1. Mục đích sử dụng: dùng để xác đinh đặc tính kháng kháng sinh của vi khuẩn 2. Mô tả: Khoanh giấy tẩm kháng sinh Cefepime nồng độ 30µg dùng trong xét nghiệm kháng sinh đồ 3. Bảo quản: -20°C đến 8°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 5 khay, mỗi khay 50 khoanh	1									
20	Khoanh giấy tẩm kháng sinh Cefixime 5µg	1. Mục đích sử dụng: dùng để xác đinh đặc tính kháng kháng sinh của vi khuẩn 2. Mô tả: Khoanh giấy tẩm kháng sinh Cefixime nồng độ 5µg dùng trong xét nghiệm kháng sinh đồ 3. Bảo quản: -20°C đến 8°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 5 khay, mỗi khay 50 khoanh	1									
21	Khoanh giấy tẩm kháng sinh Clindamycin	1. Mục đích sử dụng: dùng để xác đinh đặc tính kháng kháng sinh của vi khuẩn 2. Mô tả: Khoanh giấy tẩm kháng sinh Clindamycin dùng trong xét nghiệm kháng sinh đồ 3. Bảo quản: 4-8 độ C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 5 khay, mỗi khay 50 khoanh	1									
22	Khoanh giấy tẩm kháng sinh	1. Mục đích sử dụng: dùng để xác đinh đặc tính kháng kháng sinh của vi khuẩn 2. Mô tả: Khoanh giấy tẩm kháng sinh Kanamycin nồng độ 30µg dùng trong xét nghiệm kháng sinh đồ	Hộp 5 khay, mỗi khay 50 khoanh	1									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
	Kanamycin 30µg	3. Bảo quản: -20°C đến 8°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng											
23	Khoanh giấy tẩm kháng sinh Levofloxacin	1. Mục đích sử dụng: dùng để xác đinh đặc tính kháng kháng sinh của vi khuẩn 2. Mô tả: Khoanh giấy tẩm kháng sinh Levofloxacin dùng trong xét nghiệm kháng sinh đồ 3. Bảo quản: 4-8 độ C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 5 khay, mỗi khay 50 khoanh	1									
24	Khoanh giấy tẩm kháng sinh Nitrofurantoin 300µg	1. Mục đích sử dụng: dùng để xác đinh đặc tính kháng kháng sinh của vi khuẩn 2. Mô tả: Khoanh giấy tẩm kháng sinh Nitrofurantoin nồng độ 300µg dùng trong xét nghiệm kháng sinh đồ 3. Bảo quản: -20°C đến 8°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 5 khay, mỗi khay 50 khoanh	1									
25	Khoanh giấy tẩm kháng sinh Tetracycline	1. Mục đích sử dụng: dùng để xác đinh đặc tính kháng kháng sinh của vi khuẩn 2. Mô tả: Khoanh giấy tẩm kháng sinh Tetracycline dùng trong xét nghiệm kháng sinh đồ 3. Bảo quản: 4-8 độ C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 5 khay, mỗi khay 50 khoanh	1									
26	Canh thang Brain Heart Infusion	1. Mục đích: sử dụng để nuôi cấy vi khuẩn 2. Thành phần: bột thạch giàu dinh dưỡng cho tăng sinh VK 3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 500g	1									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
27	Canh thang Tryticase Soy Broth	1. Mục đích: sử dụng để nuôi cấy vi khuẩn 2. Thành phần: bột thạch giàu dinh dưỡng cho tăng sinh VK 3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 500g	1									
28	Môi trường canh thang	1.Mục đích: Pha môi trường canh thang chọn lọc 2.Mô tả: Môi trường nuôi cấy dạng bột, phù hợp với nuôi cấy Salmonella 3. Bảo quản: nhiệt độ phòng 4. hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 500g	1									
29	Môi trường canh thang não tim	1. Mục đích: Tăng sinh, nuôi cấy vi khuẩn 2. Mô tả: Môi trường dạng bột, không bị vón cục. 3. Bảo quản: 15-25 độ C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 500 g	1									
30	Môi trường Dey Engley Neutralizing Broth	1.Mục đích: môi trường trung hòa phản ứng 2.Mô tả: thành phần (agar, peptone, D-glucose) 3. Bảo quản: nhiệt độ 10-25˚C, tránh ánh sáng, ẩm 4. hạn sử dụng: ≥6 tháng	Hộp 500g	2									
31	Môi trường dinh dưỡng EMJH	1.Mục đích: Nuôi cấy vi khuẩn Leptospira 2.Mô tả: thành phần gồm môi trường nhiều thành phần giàu dinh dưỡng, dạng dung dịch 3. Bảo quản: 2-8 độ C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Chai 100ml	1									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
32	Môi trường nuôi cấy tế bào dạng bột	1. Mục đích sử dụng: sử dụng cho nuôi cấy tế bào trong nghiên cứu và sản xuất 2. Thành phần - Minimum Essential Medium (MEM) có bổ sung muối Earle's để nuôi tế bào trong đk có CO2 - Bổ sung L-glutamine; Phenol Red - Không có các proteins, lipids, hoặc yếu tố tăng trưởng. - Pha được 10 Lít môi trường 3. Bảo quản: 2-8°C , tránh ánh sáng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	hộp 10 gói, mỗi gói 1 lit	1									
33	Môi trường nuôi tế bào côn trùng dạng bột	1. Mục đích; môi trường nuôi tế bào côn trùng 2: Mô tả: Dạng bột, bao gồm Glutumin, không chứa HEPES, không Yeastolate, không Sodium bicarbonate. Số lượng: 10*1L 3.Điều kiện bảo quản: 2-8°C 4.Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	hộp 10 lọ	7									
34	Môi trường thạch Charcoal	1.Mục đích: Nuôi cấy vi khuẩn ho gà 2.Mô tả: Thành phần gồm môi trường dạng bột Charcoal Agar, không vón cục 3. Bảo quản: 15-25 độ C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 500g	1									
35	Môi trường thạch LB	1.Mục đích: Môi trường nuôi cấy vi sinh vật 2.Mô tả: Môi trường nuôi cấy dạng bột, phù hợp với nuôi cấy Vi khuẩn 3. Bảo quản: nhiệt độ phòng 4. hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 500g	1									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
36	Môi trường thạch XLD	1.Mục đích: Môi trường nuôi cấy vi sinh vật 2.Mô tả: Môi trường nuôi cấy dạng bột, phù hợp với nuôi cấy Salmonella 3. Bảo quản: nhiệt độ phòng 4. hạn sử dụng: ≥6 tháng	Hộp 500g	1									
37	Thạch Mueller Hinton	1. Mục đích: sử dụng để nuôi cấy vi khuẩn trong thử nghiệm xác định tính kháng kháng sinh của vi khuẩn 2. Thành phần: bột thạch giàu dinh dưỡng cho tăng sinh VK 3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 500g	2									
38	Thạch Brain Heart Infusion	1. Mục đích: Môi trường giầu dinh dưỡng nuôi cấy vi khuẩn 2. Mô tả: dạng hạt. Màu sắc: Màu kem đến màu vàng. Độ tan 52g/l. PH =7.20-7.60. Có kèm COA và MSDS Có kèm COA và MSDS 3. Bảo quản: 15-25˚C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng.	Hộp 500g	1									
39	Thạch Brain Heart Infusion Agar	1. Mục đích: sử dụng để nuôi cấy vi khuẩn 2. Thành phần: bột thạch giàu dinh dưỡng cho tăng sinh VK 3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 500g	1									
40	Thạch MacConkey	1. Mục đích sử dụng: Dùng trong nuôi cấy phân lập vi khuẩn đường ruột 2. Mô tả: Bột thạch MacConkey dinh dưỡng có chứa lactose để nuôi cấy vi khuẩn đường ruột	Hộp 500g	1									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
		3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng											
41	Thạch Saborau d	1.Mục đích: thành phần trong việc nuôi cấy nấm 2.Mô tả: thành phần (agar, peptone, D-glucose) 3. Bảo quản: nhiệt độ 10-25˚C, tránh ánh sáng, ẩm 4. hạn sử dụng: ≥6 tháng	Hộp 500g	1									
42	Thạch Tryptica e Soy Agar	1. Mục đích: sử dụng để nuôi cấy vi khuẩn 2. Thành phần: bột thạch giàu dinh dưỡng cho tăng sinh VK 3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 500g	1									
43	Môi trường vận chuyển Ameis	1. Mục đích: Lấy và vận chuyển mẫu bệnh phẩm để chẩn đoán vi khuẩn gây bệnh Ho gà 2.Mô tả: thành phần gồm: môi trường Ameis Gel W/Charcoal trong ống nhựa có que lấy mẫu kèm theo 3. Bảo quản: 4-8 độ C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Túi 50 cái	4									
44	Môi trường vận chuyển Cary Blair	1. Mục đích: Lấy và vận chuyển mẫu bệnh phẩm của vi khuẩn gây bệnh 2.Mô tả: môi trường Cary Blair trong ống nhựa có que lấy mẫu kèm theo 3. Bảo quản: 4 -8 độ C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Túi 20 cái	10									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
45	Chủng chuẩn Acinomyces ATCC ® 17929	1.Mục đích: chứng chuẩn cho quy trình xét nghiệm. 2. Mô tả: Chủng chuẩn có dạng viên đông khô. Môi trường lưu trữ được chuẩn bị cùng với một chủng vi sinh vật dùng kiểm tra chất lượng môi trường nuôi cấy, thuốc nhuộm, kít chẩn đoán và các thuốc thử. Mỗi chủng chuẩn đông khô có đời thế hệ F1-F3. Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: DIN ISO, CE 3. Bảo quản: 2°C đến 8°C 4. Hạn sử dung: ≥ 6 tháng	Hộp 5 viên	1									
46	Chủng chuẩn Bacillus astrophaeus ATCC 9372	1.Mục đích: chứng chuẩn cho quy trình xét nghiệm. 2. Mô tả: Chủng chuẩn có dạng viên đông khô. Môi trường lưu trữ được chuẩn bị cùng với một chủng vi sinh vật dùng kiểm tra chất lượng môi trường nuôi cấy, thuốc nhuộm, kít chẩn đoán và các thuốc thử.Mỗi chủng chuẩn đông khô có đời thế hệ F1-F3. 3. Bảo quản: 2°C đến 8°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 6 viên	1									
47	Chủng chuẩn Geobacillus stearothermophilus ATCC ® 7953	1.Mục đích: chứng chuẩn cho quy trình xét nghiệm. 2. Mô tả: Chủng chuẩn có dạng viên đông khô. Môi trường lưu trữ được chuẩn bị cùng với một chủng vi sinh vật dùng kiểm tra chất lượng môi trường nuôi cấy, thuốc nhuộm, kít chẩn đoán và các thuốc thử. Mỗi chủng chuẩn đông khô có đời thế hệ F1-F3. Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: DIN ISO, CE	Hộp 5 viên	1									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
		3. Bảo quản: 2°C đến 8°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng											
48	Chủng chuẩn Shigella flexneri ATCC ® 12022	1.Mục đích: chứng chuẩn cho quy trình xét nghiệm 2. Mô tả: Chủng chuẩn có dạng viên đông khô. Môi trường lưu trữ được chuẩn bị cùng với một chủng vi sinh vật dùng kiểm tra chất lượng môi trường nuôi cấy, thuốc nhuộm, kít chẩn đoán và các thuốc thử. Đóng gói: Hộp/5 viên. Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: DIN ISO, CE. - Mỗi chủng chuẩn đông khô có đời thế hệ F1-F3 3.Bảo quản: 2°C đến 8°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 5 viên	1									
49	Chủng vi khuẩn *Bordetella pertussis* ATCC 9340	1. Mục đích: Có chủng chuẩn quốc tế để làm chứng dương 2.Mô tả: Chủng vi khuẩn Bordetella pertussis ATCC 9340 là chủng quốc tế ở dạng đông khô 3. Bảo quản: 2-8 độ C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Túi 5 ống	1									
50	Chủng vi khuẩn *Corynebacterium diphtheriae*	1. Mục đích: Có chủng chuẩn quốc tế để làm chứng dương 2.Mô tả: Chủng vi khuẩn Corynebacterium diphtheriae NCTC 10648 là chủng quốc tế ở dạng đông khô	Ống	1									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
	NCTC 10648	3. Bảo quản: 4-10 độ C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng											
51	Dung dịch chuẩn PH = 10.01	1. Mục đích: Đo PH môi trường 2. Mô tả: Chai nhựa 500ml dạng nước. Màu hồng . Có kèm COA và MSDS 3. Bảo quản: 15-25˚C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng.	Chai 500 mL	2									
52	Dung dịch chuẩn PH = 4.01	1. Mục đích: Đo PH môi trường 2. Mô tả: Chai nhựa 500ml dạng nước. Màu hồng . Có kèm COA và MSDS 3.Bảo quản: 15-25˚C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng.	Chai 500 mL	2									
53	Dung dịch chuẩn PH = 7.01	1. Mục đích: Đo PH môi trường 2. Mô tả: Chai nhựa 500ml dạng nước. Màu vàng. Có kèm COA và MSDS 3. Bảo quản: 15-25˚C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng.	Chai 500 mL	2									
54	Dung dịch đệm muối phosphate	1. Mục đích sử dụng: sử dụng trong quy trình nuôi cấy tế bào cho phân lập vi rút. 2. Thành phần: - Muối phosphate, dạng dung dịch, pH: 7,2-7,6, vô trùng, thích hợp cho nuôi cấy tế bào, hàm lượng nội độc tố <=1.0EU/ml 3. Điều kiện bảo quản: 2 - 8°C 4. Hạn sử dụng : ≥6 tháng	Chai 500ml	2									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
55	Dung dịch Dimethyl sulfoxide	1.Mục đích; Bảo quản tế bào trong môi trường nito lỏng 2.Mô tả: dang lỏng, khan, mật độ hơi:2.7; áp suất hơi: 0.42mmHg; assay >=99%, nhiệt độ tự đánh lửa 573oF 3.Bảo quản: nhiệt độ phòng 4.Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	100ml	1									
56	Dung dịch Sodium Hypoclorite sát khuẩn bề mặt (NACLO)	1. Mục đích: Dùng để sát khuẩn bề mặt khu vực làm thí nghiệm 2. Thành phần: chất tẩy, rửa, dạng dung dịch nồng độ 4-4,99% 3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Chai 500ml	6									
57	Huyết thanh bào thai bê	1. Mục đích: Làm môi trường nuôi cấy tế bào 2. Thành phần: - Mức Hemoglobin: ≤15mg / dL. - Mức độ nội độc tố: ≤5 EU / mL 3. Điều kiện bảo quản: ≤-10°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Chai 500 ml	1									
58	Huyết thanh bào thai bê bất hoạt nhiệt	1. Mục đích: Nuôi cấy tế bào 2. Mô tả: thể tích 500ml, dạng lỏng, bất hoạt nhiệt 3. Điều kiện bảo quản: -40°C đến -10°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	500 ml	1									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
59	Kháng huyết thanh E.coli polyvalent 1	1.Mục đích: chất khử, kháng huyết thanh định danh vi khuẩn E.coli poly 1 2.Mô tả: đóng gói 2ml/lọ 3. Bảo quản: 2-8˚C 4. Hạn sử dụng: ≥6 tháng	Lọ 2ml	1									
60	Kháng huyết thanh E.coli polyvalent 2	1.Mục đích: chất khử, kháng huyết thanh định danh vi khuẩn E.coli poly 2 2.Mô tả: đóng gói 2ml/lọ 3. Bảo quản: 2-8˚C 4. Hạn sử dụng: ≥6 tháng	Lọ 2ml	1									
61	Kháng huyết thanh E.coli polyvalent 3	1.Mục đích: chất khử, kháng huyết thanh định danh vi khuẩn E.coli poly 3 2.Mô tả: đóng gói 2ml/lọ 3. Bảo quản: 2-8˚C 4. hạn sử dụng: ≥6 tháng	Lọ 2ml	1									
62	Kháng huyết thanh E.coli polyvalent 4	1.Mục đích: chất khử, kháng huyết thanh định danh vi khuẩn E.coli poly 4 2.Mô tả: đóng gói 2ml/lọ 3. Bảo quản: 2-8˚C 4. hạn sử dụng: ≥6 tháng	Lọ 2ml	1									
63	Kháng huyết thanh E.coli polyvalent 5	1.Mục đích: chất khử, kháng huyết thanh định danh vi khuẩn E.coli poly 5 2.Mô tả: đóng gói 2ml/lọ 3. Bảo quản: 2-8˚C 4. hạn sử dụng: ≥6 tháng	Lọ 2ml	1									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
64	Kháng huyết thanh E.coli polyvalent 6	1.Mục đích: chất khử, kháng huyết thanh định danh vi khuẩn E.coli poly 6 2.Mô tả: đóng gói 2ml/lọ 3. Bảo quản: 2-8˚C 4. hạn sử dụng: ≥6 tháng	Lọ 2ml	1									
65	Kháng huyết thanh E.coli polyvalent 7	1.Mục đích: chất khử, kháng huyết thanh định danh vi khuẩn E.coli poly 7 2.Mô tả: đóng gói 2ml/lọ 3. Bảo quản: 2-8˚C 4. hạn sử dụng: ≥6 tháng	Lọ 2ml	1									
66	Kháng huyết thanh E.coli polyvalent 8	1.Mục đích: chất khử, kháng huyết thanh định danh vi khuẩn E.coli poly 8 2.Mô tả: đóng gói 2ml/lọ 3. Bảo quản: 2-8˚C 4. hạn sử dụng: ≥6 tháng	Lọ 2ml	1									
67	Kháng huyết thanh Salmonella polyvalent 0	1.Mục đích: kháng huyết thanh định danh vi khuẩn Salmonella nhóm O 2.Mô tả: đóng gói 3ml/lọ 3. Bảo quản: 2-8˚C 4. hạn sử dụng: ≥6 tháng	lọ 3ml	1									
68	Kháng huyết thanh Salmonella	1.Mục đích: chất khử, kháng huyết thanh định danh vi khuẩn Salmonella nhóm H 2.Mô tả: đóng gói 3ml/lọ 3. Bảo quản: 2-8˚C 4. Hạn sử dụng: ≥6 tháng	lọ 3ml	1									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
	polyvalent H												
69	Kháng huyết thanh Shigella flexneri	1.Mục đích: chất khử, kháng huyết thanh định danh vi khuẩn Shigella nhóm B 2.Mô tả: đóng gói 2ml/lọ 3. Bảo quản: 2-8˚C 4.Hạn sử dụng: ≥6 tháng	lọ 2ml	1									
70	Kháng huyết thanh Shigella sonnei	1.Mục đích: chất khử, kháng huyết thanh định danh vi khuẩn Shigella nhóm D 2.Mô tả: đóng gói 2ml/lọ 3. Bảo quản: 2-8˚C 4. Hạn sử dụng: ≥6 tháng	lọ 2ml	1									
71	Kháng huyết thanh tả Vibrio cholerae 01	1.Mục đích: chất khử, kháng huyết thanh định danh vsv 2.Mô tả: đóng gói 2ml/lọ 3. Bảo quản: nhiệt độ 2-8˚C 4. Hạn sử dụng: ≥6 tháng	Lọ 2ml	1									
72	Kháng huyết thanh tả Vibrio cholerae 0139	1.Mục đích: chất khử, kháng huyết thanh định danh vsv 2.Mô tả: đóng gói 2ml/lọ 3. Bảo quản: 2-8˚C 4.Hạn sử dụng: ≥6 tháng	lọ 2ml	2									
73	Máu cừu	1.Mục đích: Dùng đổ môi trường thạch máu nuôi cấy vi khuẩn 2.Mô tả: Máu toàn phần của cừu, tươi mới	Chai 500ml	4									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
		3. Bảo quản: 2-8 độ C 4. Hạn sử dụng: ≥ 3 tháng											
74	Thuốc nhuộm đỏ	1.Mục đích: Sử dụng trong nuôi cấy tế bào 2. Mô tả: dạng bột, grade: Indicator, không tiệt trùng 3.Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4.Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Lọ 100g	1									
75	Thuốc thử Uranyl acetate	1.Mục đích: Sử dụng cho kính hiển vi điện tử (UO2(OCOCH3)2.2H2O) 2. Mô tả: khối lượng phân tử 424,147, độ tinh sạch 98-102%,mật độ 289 g/cm3 3. Bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Lọ 25g	1									
	Phần 4. Các hoá chất xúc tác cho hoạt động xét nghiệm nhóm vi khuẩn kỵ khí: gồm 07 danh mục												
1	Chất xúc tác khử oxy dùng trong hệ thống nuôi cấy vi sinh vật kỵ khí	1. Mục đích sử dụng: Tạo môi trường thiếu oxy trong buồng làm việc tủ kỵ khí 2. Thông số kỹ thuật: Catalyst là chất xúc tác cho phản ứng giữa oxy và hydro 3. Bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Gói	1									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
2	Gói khử mùi và xúc tác khí trường kỵ khí dùng trong hệ thống nuôi cấy vi sinh vật kỵ khí	1. Mục đích: khử mùi và xúc tác khí trường kỵ khí 2. Thông số kỹ thuật: Gói Detox chứa các chất có khả năng hấp phụ các chất hữu cơ dễ bay hơi có mùi hôi thối khó chịu, cải thiện chất lượng không khí trong buồng nuôi cấy của tủ kỵ khí. 3. Bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Gói	1									
3	Bình khí hỗn hợp dùng cho tủ nuôi cấy kỵ khí	1. Mục đích: cung cấp hỗn hợp khí dùng cho tủ nuôi cấy kỵ khí 2. Thông số kỹ thuật: 90% khi CO2 và 10% khí Hydro 3.Bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: Không áp dụng	Bình	2									
4	Bình khí ni tơ dùng cho tủ nuôi cấy kỵ khí	1. Mục đích: cung cấp khí Nitơ cho tủ nuôi cấy kỵ khí 2. Thông số kỹ thuật: 100% khi N2 3. Hạn sử dụng: Không áp dụng 4. Bảo quản: nhiệt độ phòng	Bình	4									
5	Cổ tay áo cho hệ thống nuôi cấy vi sinh	1. Mục đích: Cổ tay áo làm bằng chất liệu silicon mềm dẻo. Dùng để nẹp chặt ống tay áo vào tay người thao tác với buồng nuôi cấy kỵ khí, để không làm ảnh hưởng đến chất lượng khí trường bên trong, gồm 2 nẹp cổ	Cái	1									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
	vật kỵ khí	tay bên trái và bên phải 2. Thông số kỹ thuật: sản phẩm làm bằng chất liệu silicon mềm dẻo 3. Bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: Không áp dụng											
6	Ống tay áo cho hệ thống nuôi cấy vi sinh vật kỵ khí	1. Mục đích: Dùng để thao tác trong buồng nuôi cấy kỵ khí mà không làm ảnh hưởng đến chất lượng khí trường bên trong, gồm 2 ống tay áo bên trái và bên phải 2. Thông số kỹ thuật: bằng chất liệu không thấm nước, không thấm khí 3. Bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: Không áp dụng	Bộ	1									
7	Túi tạo khí Campygen	1.Mục đích: Nuôi cấy H.pylori 2.Mô tả: Thành phần gồm các khí để nuôi cấy vi khuẩn 3. Bảo quản: 15-25 độ C 4. Hạn sử dụng: ≥6 tháng	Hộp 10 túi	2									
	Phần 5. Vật tư tiêu hao dùng trong phòng thí nghiệm: gồm 55 danh mục												
1	Đĩa nuôi cấy 12 giếng	1.Mục đích: Sử dụng trong nuôi cấy tế bào 2. Mô tả: Đĩa nuôi cấy tế bào được sản xuất từ 100% polystyrene nguyên chất với độ trong suốt cao, đáy phẳng, tròn, diện tích nuôi cấy 3.8cm2, kích thước 127.8x85.5x22.6mm, thể tích mỗi giếng 3.9ml, tiệt trùng, đã xử lý bề mặt. Đóng gói mỗi cái 1 túi, có nắp 3.Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: không áp dụng	Thùng 50 chiếc	1									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
2	Đĩa nuôi cấy 24 giếng	1.Mục đích: Sử dụng trong nuôi cấy tế bào 2. Mô tả: Đĩa nuôi cấy tế bào được sản xuất từ 100% polystyrene nguyên chất với độ trong suốt cao, đáy phẳng, tròn, diện tích nuôi cấy 1.9cm2, kích thước 127.8x85.5x22.6mm, thể tích mỗi giếng 3.4ml, tiệt trùng, đã xử lý bề mặt. Đóng gói mỗi cái 1 túi, có nắp 3.Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: không áp dụng	Thùng 50 chiếc	1									
3	Đĩa nuôi cấy 48 giếng	1. Mục đích: Lưu chủng vi sinh 2. Mô tả - Vật liệu: PP - Kích thước: 86 x 128mm - Số giếng: 48 - Đáy bằng, có nắp, màu sắc trong suốt, có đánh số thứ tự các vị trí - Đã tiệt trùng 3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Thùng 50 chiếc	2									
4	Đĩa nuôi cấy 6 giếng	1.Mục đích: Sử dụng trong nuôi cấy tế bào 2. Mô tả: Đĩa nuôi cấy tế bào được sản xuất từ 100% polystyrene nguyên chất với độ trong suốt cao, đáy phẳng, tròn, gồm 6 giếng, diện tích nuôi cấy 9.5cm2, đường kính 34.8mm, thể tích mỗi giếng 16.8ml, tiệt trùng, đã xử lý bề mặt. Đóng gói mỗi cái 1 túi, có nắp 3.Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: không áp dụng	Thùng 50 chiếc	1									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
5	Đĩa nuôi cấy 96 giếng	1: Mục đích sử dụng: pha loãng mẫu, pha loãng bệnh phẩm, nuôi cấy tế bào, phân lập vi rút. 2. Mô tả: - Số lượng giếng: 96 giếng, đáy bằng - Được xử lý bề mặt để tăng cường gắn kết tế bào - Tiệt trùng bằng chiếu xạ gamma và chứng nhận nonpyrogenic - Nắp kín, đóng gói riêng từng chiếc 3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng.	Thùng 50 chiếc	2									
6	Đĩa petri nhựa 90 mm	1. Mục đích sử dụng: Dùng để đổ môi trường nuôi cấy phân lập vi khuẩn trong nghiên cứu 2, Mô tả: Đĩa nhựa dùng để nuôi cấy, phân lập vi khuẩn - Vật liệu: nhựa - Đường kính: 90 mm - Đã tiệt trùng 3, Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng 4, Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Thùng 500 chiếc	12									
7	Màng bọc đĩa petri	1. Mục đích: Bọc quanh đĩa petri chống bay hơi nước 2. Mô tả: Cuộn 33m, màu trắng, chất liệu co giãn, chống thấm nước và chịu được hóa chất 3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: Không áp dụng	Cuộn 33m	2									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
8	Bình lọc tiệt trùng	1.Mục đích: Lọc tiệt trùng môi trường nuôi cấy tế bào sau khi pha 2.Mô tả: Thể tích bình lọc 500 mL, kích thước màng lọc 0,22 µm, màng polyethersulfone, đóng gói 12, tiệt trùng 3.Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: không áp dụng	hộp 12 chiếc	1									
9	Bình tam giác thủy tinh 1000 ml	1. Mục đích sử dụng: Dùng để pha môi trường nuôi cấy vi khuẩn 2, Mô tả: Bình tam giác thể tích 1000ml, có thể hấp tiệt trùng, Thành phần: thủy tinh 3, Nhiệt độ bảo quản: nhiệt độ phòng 4, Hạn sử dụng: không áp dụng	Chiếc	5									
10	Bình tam giác thủy tinh 500 ml	1. Mục đích sử dụng: Dùng để pha môi trường nuôi cấy vi khuẩn 2, Mô tả: Bình tam giác thể tích 500ml, có thể hấp tiệt trùng, Thành phần: thủy tinh 3, Nhiệt độ bảo quản: nhiệt độ phòng 4, Hạn sử dụng: không áp dụng	Chiếc	5									
11	Chai nuôi cấy tế bào 25cm2	1: Mục đích sử dụng: sử dụng để nuôi cấy tế bào và phân lập vi rút 2. Mô tả: - Diện tích tăng trưởng 25cm2 - Được xử lý bề mặt để tăng cường gắn kết tế bào - Tiệt trùng bằng chiếu xạ gamma và chứng nhận nonpyrogenic - Nắp kín, màu cam 3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng.	Thùng 500 chiếc	1									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
12	Cốc đong 1000mL	1. Mục đích: Đong đo lường thể tích dung dịch 2. Mô tả: Thể tích đựng 1000mL, chất liệu thủy tinh trong suốt thành dầy, có thang chia vạch, có mỏ 3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: Không áp dụng	cốc	3									
13	Cốc đong 2000mL	1. Mục đích: Đong đo lường thể tích dung dịch 2. Mô tả: Thể tích đựng 2000mL, chất liệu thủy tinh trong suốt thành dầy, có thang chia vạch, có mỏ 3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: Không áp dụng	cốc	3									
14	Dải 8 ống 1.2ml pha loãng mẫu	1. Mục đích sử dụng: dùng để pha loãng mẫu 2.Thành phần: - Dải tuýp thể tích 1,2 ml, - Dạng 8 ống/dãy (8 tuýp/1 thanh) - Tuýp làm bằng nhựa Polypropylene 3.Bảo quản: 20-25ºC 4. Hạn sử dụng: ≥12 tháng	Hộp 120 dải	1									
15	Dải 8 ống PCR 0,2ml loại 125 dải	1. Mục đích: Dùng trong các kỹ thuật sinh học phân tử như PCR 2. Mô tả - Vật liệu: nhựa Polypropylen - Thể tích 0,2ml - Dải 8 ống, bộ 125 dải - Không chứa Dnase/Rnase và nội độc tố - Màu trắng, nắp phẳng rời	Hộp 125 dải	2									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
		3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng											
16	Dải 8 ống PCR 0.2 ml, nắp liền	1. Mục đích sử dụng: Tube PCR 0.2ml, nắp phẳng dùng để đựng mẫu chuẩn bị cho quá trình PCR 2.Thành phần: - Dải tuýp PCR thể tích 0.2 ml - Dạng 8 ống/dãy (8 tuýp/1 thanh) - Nắp phẳng liền ông 8 nắp/dãy - Tuýp làm bằng nhựa Polypropylene 3. Bảo quản: 20-25ºC 4. Hạn sử dụng: ≥12 tháng	Hộp 120 dải	13									
17	Đầu côn có lọc 10µl	1. Mục đích: Dùng để hút mẫu, hóa chất trong kỹ thuật xét nghiệm 2. Thông số kỹ thuật: - Đầu côn làm bằng nhựa, tiệt trùng, thể tích hút tối đa 10ul - Màng lọc kỵ nước, trơ, có khả năng ngăn cản nhiễm dịch vào đầu pipet. - Không chứa Dnase/Rnase, Human DNA, pyrogenic, PCR inhibitors 3. Bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Thùng 960 chiếc	11									
18	Đầu côn có lọc 20µl	1. Mục đích: Dùng để hút mẫu, hóa chất trong kỹ thuật xét nghiệm 2. Thông số kỹ thuật: - Đầu côn có lọc dạng dài tiệt trùng thể tích hút tối đa 20ul, tiệt trùng	Thùng 960 chiếc	11									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
		- Màng lọc kỵ nước, trơ, có khả năng ngăn cản nhiễm dịch vào đầu pipet. - Tương thích với nhiều loại pipet - Không chứa Dnase/Rnase, Human DNA, pyrogenic, PCR inhibitors 3. Bảo quản nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng											
19	Đầu côn có lọc 200µl	1. Mô tả: Đầu côn có lọc thể tích 1-200 µl 2. Mô tả: Đầu côn có lọc thể tích 1-200µl. Đầu típ có độ bám dính thấp - Không chứa Dnase/Rnase/ Protease/ATP. - Không chứa độc tố gây sốt, nội độc tố - Đã khử trùng (Sterile) 3. Nhiệt độ bảo quản: nhiệt độ phòng. 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Thùng 960 chiếc	7									
20	Đầu côn có lọc 1000µl	1. Mục đích sử dụng: Dùng để hút một lượng hóa chất sinh phẩm hoặc mẫu với thể tích nhỏ, độ chính xác cao 2, Mô tả - Đầu côn có lọc, thể tích tthể tích từ 200 microlit đến 1000 microlit,tiệt trùng - Phù hợp với các loại pipetman thông dụng - Không chứa DNA/Dnase/Rnase/ Protease/ATP, - Không chứa độc tố gây sốt, nội độc tố - Chứng nhận hàm lượng kim loại dạng vết cực thấp 3, Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng 4, Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Thùng 960 chiếc	4									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
21	Đầu côn không lọc 1000 µl	1. Mục đích: Hút dung dịch có lượng thể tích từ 200 microlit đến 1000 microlit 2. Mô tả: - Đóng gói trong túi polyethylene - Mầu tự nhiên, -Thể tích tối đa 1000 microlit - Có vạch xác định thể tích tương đối, hút dịch nhớt tốt. 3. Nhiệt độ bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: không áp dụng	Túi 1000 chiếc	7									
22	Đầu côn không lọc 10ul	1. Mục địch: Hút dung dịch 2. Mô tả: - Vật liệu nhựa PP - Đầu côn không lọc, thể tích hút tối đa 10µL, - Phù hợp với các loại pipetman thông dụng - Không chứa DNA/Dnase/Rnase/ Protease/ATP 3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: không áp dụng	Túi 1000 cái	2									
23	Đầu côn không lọc 200 µl	1. Mục đích: thực hiện hút mẫu/dung dịch. 2. Mô tả: Đầu côn không lọc, thể tích 200µL. - Phù hợp với các loại pipetman thông dụng - Không chứa DNA/Dnase/Rnase/ Protease/ATP. - Không chứa độc tố gây sốt, nội độc tố 3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: không áp dụng	Túi 1000 chiếc	23									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
24	Hộp đựng mẫu 100 vị trí	1. Mục đích sử dụng: Trữ tube đựng mẫu 2. Mô tả: - Hộp 10x10 giếng, dành cho tube 2ml - Thành phần: Bìa/ giấy carton cán nylon chống ẩm 3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: Không áp dụng	Hộp	100									
25	Hộp đựng mẫu 81 vị trí	1. Mục đích sử dụng: Dùng để lưu mẫu trong điều kiện nhiệt độ âm sâu (-80C) Mô tả: Hộp lưu trữ 81 vị trí được thiết kế để chứa các ống 1,5-2ml, có thể hấp tiệt trùng 2. Thành phần: - Hộp đựng mẫu 9x9 (81 vị trí) - Bằng giấy Cardboard, 3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥12 tháng	Thùng 40 hộp	2									
26	Ống 2 ml đáy nhọn, có nắp	1: Mục đích sử dụng: dùng để thu hồi ARN của vi rút sau tách chiết vật liệu di truyền; lưu giữ mẫu... 2. Mô tả: - Ống ly tâm dành cho máy ly tâm nhỏ thể tích 2.0ml với nắp kín khí liền thân - Không tiệt trùng - Chịu được tốc độ ly tâm lên đến 17000 rpm - Không chứa Dnase/Rnase - Nắp phẳng - Chất liệu với độ bám dính thấp, màu trong - Vạch chia độ bên ngoài - Đáy nhọn	Thùng 1000 cái	2									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
		2. Bảo quản: Nhiệt độ phòng 3. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng.											
27	Ống 2ml đáy tròn có nắp	1: Mục đích sử dụng: lưu giữ mẫu bệnh phẩm hoặc chủng vi rút trong nhiệt độ âm sâu (tủ -80 hoặc Nito lỏng). 2. Mô tả: - Ống ly tâm thể tích 2ml đáy tròn, tự đứng - Tiệt trùng - Chịu được tốc độ ly tâm lên đến 17000 rpm - Không chứa Dnase/Rnase - Nắp xoáy ngoài, màu cam - Chịu được nhiệt độ -196°C - Vạch chia độ bên ngoài 3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng.	Thùng 500 cái	1									
28	Ống ly tâm 1,5 ml	1. Mục đích sử dụng: Sử dụng để pha các hỗn hợp phản ứng hoặc dùng để tách triết DNA mẫu vi khuẩn 2, Mô tả - Vật liệu: nhựa Polypropylen - Thể tích 1,5ml - Chịu lực ly tâm - Trong suốt, đáy nhọn, nắp bật, có vạch chia - Không chứa Dnase/Rnase 3, Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng 4, Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Thùng 500 chiếc	5									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
29	Ống ly tâm 1,7ml	1. Mục đích: thực hiện hút mẫu/dung dịch 2. Mô tả: Ống 1,7ml, Nhựa Polypropylen, nắp liền. Chịu lực ly tâm 20,000g - Có vạch chia thể tích và nhãn để viết - Đạt chứng chỉ Biosphere® plus (tiệt trùng, không chứa DNA, Dnase/Rnase, PCR inhibitors, ATP & pyrogen/endotoxins) 3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Thùng 500 chiếc	8									
30	Ống ly tâm 2ml	1. Mục đích: thực hiện hút mẫu/dung dịch 2. Mô tả: Ống 2,0ml, Nhựa Polypropylen, nắp liền. Chịu lực ly tâm 20,000g - Có vạch chia thể tích và nhãn để viết - Đạt chứng chỉ Biosphere® plus (tiệt trùng, không chứa DNA, Dnase/Rnase, PCR inhibitors, ATP & pyrogen/endotoxins) 3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Thùng 500 chiếc	8									
31	Ống ly tâm 2ml	1. Mục đích: Đựng dung dịch cần li tâm 2. Mô tả - Vật liệu: Nhựa Polypropylen - Thể tích: 2ml - Trong suốt, đáy nhọn, nắp bật, có vạch chia - Không chứa Dnase/Rnase - Chịu lực ly tâm 3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Thùng 500 chiếc	10									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
32	Ống ly tâm 2ml	1. Mục đích sử dụng: Sử dụng để pha các hỗn hợp phản ứng hoặc dùng để tách triết DNA mẫu vi khuẩn 2, Mô tả - Vật liệu: Nhựa Polypropylen - Thể tích 2 ml - Trong suốt, đáy nhọn, nắp bật, có vạch chia - Không chứa Dnase/Rnase - Chịu lực ly tâm 3, Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng 4, Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Thùng 500 chiếc	5									
33	Ống 5ml đựng bệnh phẩm	1. Mục đích sử dụng: ống đựng mẫu phân 2. Mô tả: - ống 5 ml tự đứng, đáy hình nón, không màu - Vật liệu: polypropylene tinh khiết - Nắp trên, xoắn, màu xanh - Không vô trùng - Không chứa RNase-/DNase và DNA người. - Chia độ. - Khoảng chia độ 1 – 5 ml - Dung tích: 5 ml. - Tên thương mại: Axygen Inc SCT-5ML 3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng. 4. Hạn sử dụng: Không áp dụng	Thùng 1000 cái	2									
34	Ống đong chia vạch 1000mL	1. Mục đích: Đong đo lường thể tích dung dịch 2. Mô tả: Thể tích đựng 1000mL, chất liệu thủy tinh trong suốt thành dầy, lớp B có thang chia vạch 10mL thân hình trụ, có mỏ	ống	3									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
		3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: Không áp dụng											
35	Ống đong chia vạch 500mL	1. Mục đích: Đong đo lường thể tích dung dịch 2. Mô tả: Thể tích đựng 500mL, chất liệu thủy tinh trong suốt thành dầy, lớp A có thang chia vạch 5mL, thân hình trụ, có mỏ 3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: Không áp dụng	ống	3									
36	Ống ly tâm 50 ml	1. Mục đích: dùng để đựng và ly tâm mẫu khi thực hiện xét nghiệm 2. Thông số kỹ thuật: - Thể tích tối đa 50 ml - Lực ly tâm tối đa: 14,000 xg - Có vạch chia thể tích - Đã tiệt trùng - Không chứa nội độc tố, không chứa Rnase và DNase - Vật liệu: nhựa PP/ HDPE 3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: Không áp dụng	Thùng 500 chiếc	1									
37	Ống nắp xoáy 2mL	1. Mục đích: Lưu chủng vi sinh 2. Mô tả - Vật liệu: PP - Thể tích: 2ml - Đáy bằng, nắp xoáy - Đã tiệt trùng - Không chứa Dnase/Rnase	Túi 500 ống	2									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
		3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng											
38	Pipet nhựa vô trùng 5ml	1. Mục đích sử dụng - Dùng cho việc hút 1 lượng mẫu nhất định các dung dịch phục vụ cho thí nghiệm 2. Mô tả - Chất liệu: Polypropylene, - Tiệt trùng, được bọc riêng lẻ, Không có các thành phần: RNase, DNase Pyrogen, chất ức chế PCR - Thể tích hút 5ml - Độ chính xác ± 2% 3. Hạn sử dụng: ≥12 tháng 4. Bảo quản: Ở nhiệt độ phòng	Thùng 200 chiếc	3									
39	Pippete nhựa vô trùng 25ml	1. Mục đích: Hút dung dịch 2. Mô tả: - Thể tích hút 25mL - Có vạch chia thể tích - Đã tiệt trùng - Vật liệu: PP 3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Thùng 200 chiếc	3									
40	Que cấy 10ul	1. Mục đích: Cấy vi khuẩn 2. Mô tả: - 1 đầu vòng và 1 đầu thẳng - Màu xanh - Vật liệu: nhựa Polypropylene (PP) - Kích thước: Chiều dài ≥ 195mm	túi 10 chiếc	500									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
		- Vòng lấy mẫu: 10ul - Không chứa Dnase/Rnase, Không có DNA người 3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: Không áp dụng											
41	Que cấy 1ul	1. Mục đích: Cấy vi khuẩn 2. Mô tả: - 1 đầu vòng và 1 đầu thẳng - Màu trắng - Vật liệu: nhựa Polypropylene (PP) - Kích thước: Chiều dài ≥ 195mm - Vòng lấy mẫu: 1ul - Không chứa Dnase/Rnase, Không có DNA người 3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: Không áp dụng	túi 10 chiếc	350									
42	Que nạo tế bào	1.Mục đích: Sử dụng trong các bước thu hoạch tế bào 2. Mô tả: chiều dài đầu lưỡi 3cm, chiều dài tay cầm 39cm, tiệt trùng 3.Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: không áp dụng	hộp 100 chiếc	1									
43	Găng tay Nitrile tiệt trùng không bột size S	1. Mục đích: là một trong số các dụng cụ bảo hộ để bảo vệ bàn tay, tránh nhiễm cho người làm và nhiễm chéo giữa các mẫu. 2. Mô tả: - Làm bằng chất liệu nitrile - Dùng một lần - Cỡ S - Tiệt trùng bằng Ethylene Oxide	Thùng 10 hộp/hộp 50 đôi	1									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
		- Đơn vị sản xuất đạt ISO 13485 hoặc tương đương 3. Nhiệt độ bảo quản: nhiệt độ phòng. 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng											
44	Găng tay y tế không bột size S	1. Mục đích sử dụng: dùng làm thí nghiệm 2. Thành phần: Găng tay y tế dùng một lần, không bột, màu trắng, size S-M 3. Nhiệt độ bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng.	Hộp 50 đôi	14									
45	Găng tay y tế không bột size M	1.Mục đích: Sử dụng cho các thao tác sử lý mẫu, phản ứng 2.Mô tả: Găng tay không bột, chất liệu cao su 3. Bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Hộp 50 đôi	32									
46	Khẩu trang 4 lớp	1. Mục đích: Bảo vệ hệ hô hấp 2. Mô tả: Khẩu trang hoạt tính 4 lớp 3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng. 4.Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Hộp 50 cái	30									
47	Khẩu trang N95	1. Mục đích: Lọc không khí hít vào khi thực hiện các thử nghiệm sinh học với với mức nguy hiểm cấp độ 3 hoặc được cho là nguy hiểm mà chưa rõ tác nhân gây bệnh. 2. Mô tả: - Khẩu trang có lọc, lọc ít nhất 95% hạt không khí có đường kích khí động học trung bình là khối lượng 0,3 micromet. - Khẩu trang N95 yêu cầu làm bằng lưới mịn với chất liệu sợi polyme tổng hợp, đặc biệt là vải polypropylen không dệt.	Hộp 20 chiếc	3									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
		3.Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng											
48	Khẩu trang y tế	1.Mục đích: Bảo hộ cá nhân (của P3) 2. Thành phần: Đã tiệt trùng bằng khí EO, gạc không dệt, màng lọc khuẩn. 3. Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Hộp 50 cái	20									
49	Tấm nhôm dán	1. Mục đích: Lá nhôm bọc phiến PCR 2. Mô tả: Màng nhôm bọc phiến, không chứa Rnase, DNase, đã tiệt trùng 3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: Không áp dụng	Hộp 100 chiếc	2									
50	Con lăn dán màng nhôm	1. Mục đích: Dán lá nhôm lên phiến PCR 2. Mô tả: Con lăn cao su cán gỗ dùng dán lá nhôm phiến PCR 3.Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4.Hạn sử dụng: Không áp dụng	Chiếc	1									
51	Giấy bạc	1. Mục địch: Dùng để bọc gói dụng cụ 2. Mô tả: Là loại nhôm cán mỏng, chịu được nhiệt độ cao.. Kích thước 30cm x 5m 3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng:Không áp dụng	cuộn	50									
52	Giấy thấm	1. Mục đích sử dụng: Giấy thấm sử dụng trong PTN, 2. Thông số kỹ thuật: - dai, không bụi, loại giấy rút - kích thước 330mm x 330 mm	Túi 100 tờ	100									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
		3. Bảo quản : nhiệt độ thường 4. Hạn sử dụng: Không áp dụng											
53	Lưới đồng	1.Mục đích: Sử dụng cho kính hiển vi điện tử 2. Mô tả; lưới đồng 300 mắt, kích thước mắt 58um, độ dày 19um 3. Bảo quản: không áp dụng 4. Hạn sử dụng: không áp dụng	Hộp 10 lọ, lọ 100 lưới	2									
54	Mũ đội đầu trong PTN	1. Mục đích: Mũ đội đầu dùng trong PTN 2. Mô tả: Vải không dệt Polypropylen + có dây chun. 3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Túi 100 cái	50									
55	Vải gạc xô	1. Mục đích: Lọc trứng và đóng nút bông 2. Mô tả: Khổ 90cm, chất vải dệt khít 3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phònggg 4. Hạn sử dụng: Không áp dụng	mét	30									
	Phần 6. Hóa chất, vật tư phục vụ công tác khử trùng, khử nhiễm các phòng thí nghiệm: bao gồm 18 danh mục												
1	dung dịch Javen	1. Mục đích: Xử lý nước thải 2. Mô tả: Vàng nhạt, dạng dung dịch lỏng, nóng chảy ở: 18°C, sôi ở: 101°C 3. Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Can 30 lít	2									
2	dung dịch HCl	1. Mục đích: Xử lý chất thải y tế 2. Mô tả: Dạng dung dịch, nồng độ ≥ 36, độ hòa tan trong nước: 725 g / L ở 20 ° C, 3. Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Chai 500ml	10									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
3	bột Na2SO3	1. Mục đích: Xử lý nước thải 2. Mô tả: Màu trắng, dạng bột 3. Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥6 tháng	Chai 500ml	20									
4	Bộ quần áo kỹ sư (P. kiểm chuẩn)	1. Mục đích: Bảo hộ cá nhân khi hiệu chuẩn thử nghiệm 2. Mô tả: Chất liệu Kaki Nam Định cao cấp, kiểu pha phối, có túi chéo, màu ghi tối 3. Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Bộ	6									
5	Khẩu trang y tế	1.Mục đích: Bảo hộ cá nhân (của P3) 2. Thành phần: Đã tiệt trùng bằng khí EO, gạc không dệt, màng lọc khuẩn. 3. Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Hộp 50 cái	30									
6	Nước giặt	1. Mục đích: Sử dụng làm sạch quần áo bảo hộ 2. Thành phần bao gồm: - Linear Alkylbenzene Suflonate, Laureth-7 - Được thiết kế phù hợp cho máy giặt cửa trước 3. Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Túi 3,8 lít	50									
7	dung dịch gia ven	1. Mục đích: Sử dụng khử khuẩn quần áo bảo hộ 2. Mô tả: Màu vàng nhạt, dạng dung dịch lỏng, nóng chảy ở 18°C, sôi ở 101°C 3. Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Lít	100									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
8	Nước rửa chén	1. Mục đích: Sử dụng làm sạch dụng cụ thí nghiệm 2. Mô tả: Thành phần Linear Alkylbenzene Suflonate, Sodium Salt:13,0%, Sodium laury ether sulfale 4,0% 3. Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Can 4 lít	5									
9	dung dịch NaCl 0,9%	1. Mục đích: Rửa mắt 2. Mô tả: Dung dịch Natri Clorid nồng độ 0,9%, vô trùng 3. Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Lọ 10ml	10									
10	Băng vết thương	1. Mục đích: Dùng cho trong y tế 2. Mô tả: Dạng băng vải, kích thước 2x6 cm 3. Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Hộp 102 miếng	3									
11	Găng tay y tế không bột cỡ M	1. Mục đích: Bảo hộ cá nhân 2. Mô tả: Chất liệu cao su nitrile nhân tạo, không bột, chưa tiệt trùng, dùng cho cả 2 tay, bề mặt đầu ngón tay nhám, xe viền cổ tay, màu trắng hoặc có mầu, đạt tiêu chuẩn ASTM D6319, EN455 3. Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Thùng 10 hộp/hộp 50 đôi	3									
12	Ống nghiệm	1. Mục đích: Dùng đựng dung dịch xét nghiệm 2. Mô tả: Dạng ống thủy tinh trong, ống hình tròn có đường kính 12cm, chịu được nhiệt độ cao	ống	20.000									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
		3. Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: Không áp dụng											
13	Bông thấm nước	1. Mục đích: Dùng cho trong y tế 2. Mô tả: Chất liệu sợi bông tự nhiện có độ mịn và độ thấm tốt 3. Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Túi 1kg	2									
14	Giấy Abala chịu nhiệt	1. Mục đích: dùng cho việc lót đựng dụng cụ thí nghiệm để hấp sấy tiệt trùng 2. Mô tả: Giấy bìa gốm ceramic, chịu nhiệt độ cao; kích thước: 60cmx100cm 3. Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: Không áp dụng	tờ	100									
15	bột NaOH	1. Mục đích:Dùng trong việc khử khuẩn các dụng cụ y tế 2. Mô tả: Dạng tinh thể, màu trắng, không mùi, tan tốt trong nước, pH 6 – 8.4 (dung dịch 5%) Nồng độ ≥40 % 3. Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	bao 25kg	4									
16	Dung dịch Axít HCl 36,46%	1. Mục đích: Dùng trong việc khử trùng các dụng cụ y tế 2. Mô tả: Dạng dung dich, nồng độ 36,46%,; độ hòa tan trong nước: 725 g / L ở 20 ° C; trọng lượng phân tử: 36,5 g / mol. 3. Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	chai 500ml	50									

TT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
17	Chỉ thị sinh học cho nồi hấp tiệt trùng	1. Mục đích: Dùng cho việc hấp tiệt trùng chất thải y tế (dùng để đánh giá hiệu quả của nồi hập tiệt trùng) 2. Mô tả dạng ống, kích thước: 8,4 mm x 45,5 mm Chứa tế bào tế bào Geobacillus stearothermophilus trong ống Phù hợp tiêu chuẩn ISO 11138 3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng:≥ 6 tháng	Hộp 100 ống	2									
18	Chỉ thị hóa học cho nồi hấp tiệt trùng	1. Mục đích: Dùng cho việc hấp tiệt trùng chất thải y tế (dùng để đánh giá hiệu quả của nồi hập tiệt trùng) 2. Mô tả: Đọc kết quả ngay với chỉ thị vạch mực mao dẫn trên bấc giấy Tương tác với cả 3 yếu tố tiệt trùng (thời gian, nhiệt độ, hơi bão hòa) Khoảng nhiệt độ sử dụng: 121 -135 độ C Phù hợp tiêu chuẩn ISO 11140-1 Type 5 3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 100 thanh	8									